| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 244/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 12 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Càn.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Châu Trung Trực.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Ấp x, xã Đ, tỉnh Cà Mau – Căn cước công dân số 096086002377, cấp ngày 13/12/2022 (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Phạm Như T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: Ấp x, xã Đ, tỉnh Cà Mau – Căn cước công dân số 096190002631, cấp ngày 08/7/2022 (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Thanh P và chị Phạm Như T tự nguyện chung sống vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không còn chung sống cách nay 06 – 07 năm. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, các đương sự có 01 con chung tên Trần Thảo N, sinh ngày 23/12/2008 do anh P đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự thống nhất giao Thảo Nguyên cho anh P tiếp tục nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Phạm Như T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Thanh P và chị Phạm Như T tự nguyện chung sống vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của Trần Thảo N; do vậy tiếp tục giao Thảo N cho anh P nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh P và chị Phạm Như T

2. Về con chung: Giao Trần Thảo N, sinh ngày 23/12/2008 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0005232 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Cà Mau thì anh P đã nộp xong án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**